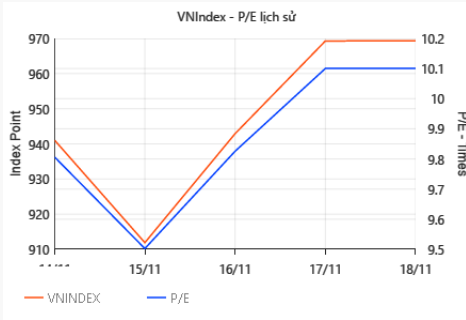


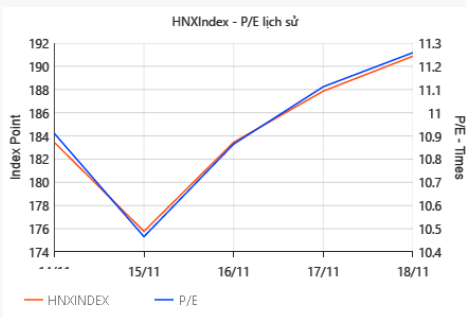


VN-INDEX



Điểm số	969.33
Tuần qua (WoW)	1.55%
Từ đầu năm (YTD)	-35.30%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	26.23%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	13.65%
P/E	10.1
P/B	1.56

HNX -INDEX



Điểm số	190.87
Tuần qua (WoW)	0.56%
Từ đầu năm (YTD)	-59.73%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	32.53%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	3.20%
P/E	11.26
P/B	1.1

Chuyên viên Phân tích

Đỗ Trung Nguyên

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:702

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Tuần vừa qua là tuần có mức biến động (tính theo % biến động) lớn nhất kể từ giữa tháng 05/2022 và khối lượng giao dịch cao nhất kể từ cuối tháng 04/2022 (như đã đề cập ở trên), đó chắc chắn là một diễn biến rất đáng chú ý và khả năng cao là mang tính trọng yếu. Trong bối cảnh đó, tâm điểm của cả tuần chính là phiên giao dịch vào ngày thứ tư, khi chúng ta chứng kiến áp lực bán rất lớn nhưng đồng thời cũng là một lực mua thậm chí còn lớn hơn xuất hiện để hấp thụ hết áp lực bán (mà một phần rất lớn trong đó là bán giải chấp), và đẩy thị trường bật lên để có một phiên tăng cũng rất mạnh. Hoàn toàn không quá khi nói rằng lực mua này đã “giải cứu” thị trường bởi nếu không có lực mua đối ứng này xuất hiện thì áp lực bán sẽ chỉ càng gia tăng khi mức điểm hay mức giá thấp đi chứ không thể biến mất được (đó là sự đáng sợ của bán giải chấp). Một chút lo ngại vào ngày thứ sáu, khi lượng hàng T+2.5 mua hai ngày trước đó có thể được giao dịch vào buổi chiều, nhưng thị trường ngược lại, đã tăng trong buổi chiều ngày thứ sáu, để đóng cửa trong sắc xanh. Và cũng chỉ sau khi những điều này xảy ra thì chúng ta mới ờ lên và nhận ra rằng, hóa ra dù trong bối cảnh thắt chặt tiền tệ thì vẫn có những dòng tiền lớn sẽ sẵn sàng gia nhập thị trường (hoặc gia nhập lại), với điều kiện để kích hoạt dòng tiền này là mức giá đủ hấp dẫn, và phần nào nữa là mức khối lượng đủ lớn (được tạo ra chính bởi bán giải chấp) – một quá trình chuyển giao tài sản diễn ra công khai.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường có những diễn biến rất đáng chú ý khi dòng tiền lớn gia nhập thị trường một cách mạnh mẽ. Và không chỉ bây giờ, khi thị trường có dấu hiệu xoay chiều, mà đã từ nhiều tuần nay chúng tôi vẫn giữ nguyên quan điểm về chiến lược chung rằng: đây không phải là thời điểm để bán ra với giá thấp và hoàn toàn có thể cân nhắc giải ngân cho mục tiêu trung dài hạn nhưng việc giải ngân theo nhiều đợt rải rác là điều nên được thực hiện. Ngoài ra, nên tránh sử dụng đòn bẩy quá mức.



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	53.0%		-19.4%
VHM	15/02/21	3	77,730	Nắm giữ	81,800	5.2%	70.4%		-14.4%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	184.1%		-56.7%
NLG	23/08/21	1	36,030	Nắm giữ	34,300	-4.8%	59.2%		-40.2%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%	43.9%		76.9%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	55.5%		-25.6%
VPB*	05/02/21	2	15,213	Nắm giữ	16,447	8.1%	6.1%		65.4%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	74.8%		-27.3%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%	24.1%		4.2%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		17.2%	98.6%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	98.2%		-38.6%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	55.6%		-6.7%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Lợi nhuận kỳ vọng	Biến động giá
VCB	2/8/2022	75,000 - 79,000	101,000	31.20%	-0.6%
BID	2/8/2022	37,000 - 40,000	52,000	35.10%	-6.6%
MBB	2/8/2022	21,667 - 22,917	30,000	34.60%	-29.6%
VND	2/8/2022	19,800 - 21,000	28,500	39.70%	-45.6%
VCI	2/8/2022	32,308 - 34,615	46,154	37.90%	-42.0%
HPG	2/8/2022	22,000 - 23,500	31,000	36.30%	-33.6%
NKG	2/8/2022	18,000 - 19,500	25,500	36.00%	-51.7%
PVD*	8/8/2022	17,000 - 18,600	22,700	27.50%	-27.2%
LHG	12/8/2022	37,000 - 40,000	58,000	50.65%	-53.8%
SNZ	12/8/2022	40,400 - 45,000	64,000	49.88%	-51.1%
VCI	12/8/2022	35,385 - 37,692	46,154	26.32%	-46.9%
PVS	23/8/2022	26,800 - 29,000	37,000	32.62%	-31.9%
PVC	23/8/2022	18,800 - 22,200	26,700	30.24%	-53.7%



VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 1.6%, mở cửa tuần thấp hơn hẳn so với tham chiếu và cao hơn nhiều so với mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa tuần và xấp xỉ mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liên trước, cao nhất kể từ cuối tháng 04/2022 và cao hơn trung bình.

Thị trường có hai ngày thứ hai và thứ ba tiếp tục đà suy yếu, trong đó ngày thứ ba là mức giảm lớn trên 3%. Tuy nhiên, diễn biến đáng chú ý nhất trong tuần, và có lẽ cũng là đáng chú ý nhất trong nhiều tháng gần đây, là phiên giao dịch ngày thứ tư, VNIndex mở cửa có thể nói là hoảng loạn với mức giảm rất sâu gần 4.2% nhưng sau đó đến cuối ngày thì đóng cửa tăng 3.4%, tổng biến động trong ngày khoảng 8%. Hai ngày còn lại trong tuần còn lại trong tuần tiếp tục là hai ngày tăng điểm, ngày thứ năm tăng tốt, ngày thứ sáu đóng cửa ở phía trên sát tham chiếu.

Tuần vừa qua là tuần có mức biến động (tính theo % biến động) lớn nhất kể từ giữa tháng 05/2022 và khối lượng giao dịch cao nhất kể từ cuối tháng 04/2022 (như đã đề cập ở trên), đó chắc chắn là một diễn biến rất đáng chú ý và khả năng cao là mang tính trọng



yếu. Trong bối cảnh đó, tâm điểm của cả tuần chính là phiên giao dịch vào ngày thứ tư, khi chúng ta chứng kiến áp lực bán rất lớn nhưng đồng thời cũng là một lực mua thậm chí còn lớn hơn xuất hiện để hấp thụ hết áp lực bán (mà một phần rất lớn trong đó là bán giải chấp), và đẩy thị trường bật lên để có một phiên tăng cũng rất mạnh. Hoàn toàn không quá khi nói rằng lực mua này đã “giải cứu” thị trường bởi nếu không có lực mua đối ứng này xuất hiện thì áp lực bán sẽ chỉ càng gia tăng khi mức điểm hay mức giá thấp đi chứ không thể biến mất được (đó là sự đáng sợ của bán giải chấp). Một chút lo ngại vào ngày thứ sáu, khi lượng hàng T+2.5 mua hai ngày trước đó có thể được giao dịch vào buổi chiều, nhưng thị trường ngược lại, đã tăng trong buổi chiều ngày thứ sáu, để đóng cửa trong sắc xanh. Và cũng chỉ sau khi những điều này xảy ra thì chúng ta mới ồ lên và nhận ra rằng, hóa ra dù trong bối cảnh thắt chặt tiền tệ thì vẫn có những dòng tiền lớn sẽ sẵn sàng gia nhập thị trường (hoặc gia nhập lại), với điều kiện để kích hoạt dòng tiền này là mức giá đủ hấp dẫn, và phần nào nữa là mức khối lượng đủ lớn (được tạo ra chính bởi bán giải chấp) – một quá trình chuyển giao tài sản diễn ra công khai.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	870 - 900
Kháng cự	1,000



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	1.1%	33,000	21.3%
TNG	24/08/21	22,833 – 24,120	31,833	21,481	1:3	36.8%	38,950	61.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%	172,730	17.5%
BWE*	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	58.3%	62,000	72.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.6%	27,800	98.6%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	26.2%	68,000	38.4%
VND*	09/06/21	14,600 – 15,600	21,000	13,500	1:2.5	105.1%	36,250	132.4%
DPG*	31/05/21	26,500 – 27,929	42,571	24,000	1:4	199.0%	97,920	250.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.1%	43,300	46.8%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.9%	49,950	30.1%
SSI*	20/05/21	21,000 – 22,300	27,850	19,700	1:2	81.6%	52,130	133.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	35.2%	43,550	61.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	100.6%	33,500	108.1%
SMC*	11/05/21	29,000 – 31,250	41,670	25,850	1:2	12.6%	45,740	46.4%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	98.5%	28,850	112.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	68.6%	62,200	77.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%	36,700	74.8%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	93.3%	17,950	139.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	6.6%	129,690	28.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%	96,000	25.9%
GEG*	08/03/21	15,610 – 16,650	24,245	14,580	1:4	47.1%	27,360	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	97.3%	37,000	151.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	41.6%	33,580	58.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	172.0%	28,800	240.6%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	44.9%	130,440	56.2%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	119.0%	49,100	133.8%
CCL*	17/02/21	8,930 – 9,820	16,070	7,770	1:3	73.1%	18,570	89.1%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	81.2%	28,260	143.8%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%	27,000	86.2%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	132.0%	48,000	143.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	40.5%	34,300	63.3%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	153.2%	88,260	184.7%
PGV*	23/11/20	12,510 – 13,462	22,510	11,271	1:4	174.8%	42,290	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	283.8%	41,800	383.2%
DRI*	20/10/20	4,030 – 4,530	9,530	3,230	1:4	312.8%	20,780	358.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%



Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã đã rút khỏi Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Lợi nhuận	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
TDM*	30/07/21	30,050	40,000	33.1%	32.8%	41.1%
HAH*	03/08/21	34,300	42,100	22.7%	268.1%	469.9%
OCB*	02/08/21	24,300	27,700	14.0%	25.5%	53.0%
SZC*	23/04/21	35,750	41,000	14.7%	38.1%	144.3%
DHC*	30/10/20	34,440	38,760	17.1%	88.7%	171.2%
ACB*	05/02/21	22,830	29,110	27.5%	58.3%	69.8%
MBB*	11/06/21	29,185	32,593	11.7%	113.3%	175.7%

Các lần điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
VHM*	31/05/21	75,820	75,550	0%	38.6%	15/02/22	81,800	+8.3%
MWG*	08/02/21	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



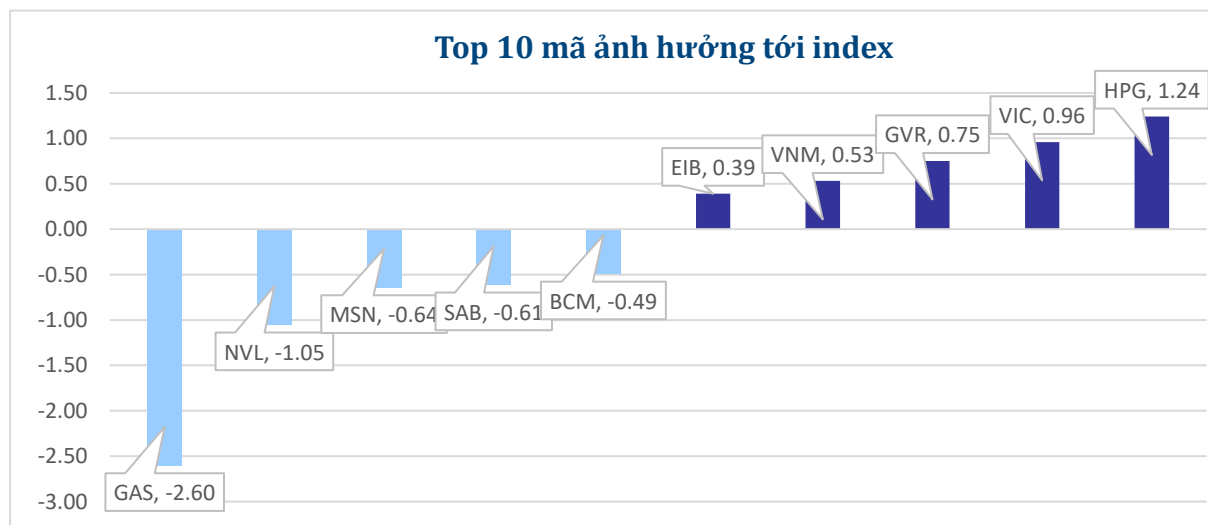
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG PHIÊN CUỐI TUẦN
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	969.33	0.01%	0.07	960.58	13,702.9	268	70	176
Vn30 - Index	971.20	0.02%	0.16	324.25	6,310.6	13	4	13
Vn - Mid	1,133.58	1.07%	11.99	407.22	5,705.2	49	6	15
VN - Small	983.00	1.56%	15.14	125.47	1,188.6	131	20	63
HNX - Index	190.87	1.60%	3.01	97.21	988.4	113	52	171
Upcom - Index	67.15	0.92%	0.61	64.95	424.2	241	72	110

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	13,702.90	20.02%	960.58	32.59%
HNX	988.40	24.07%	97.21	30.18%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

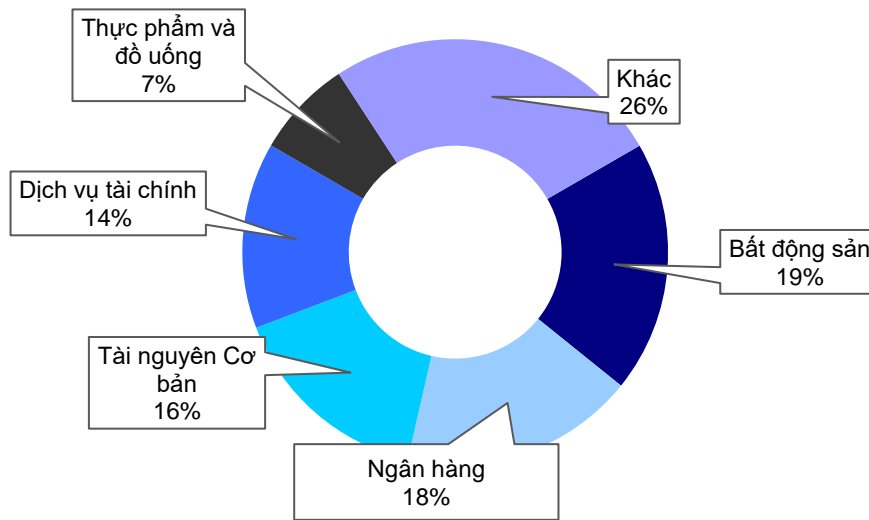


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
HPG	99.66	HPG 1,485.6	DGC 223%	SHS 9.4%
SSI	34.60	STB 555.4	NKG 205%	CEO 9.3%
STB	32.56	SSI 551.0	VIX 194%	NKG 7.0%
VND	30.24	DGC 473.2	HPG 194%	HDC 7.0%
DIG	29.36	DIG 330.9	DXG 189%	VCG 7.0%
				PAN -3.5%
				DGC -6.9%
				PVD -6.8%
				GAS -4.5%
				VHC -4.4%

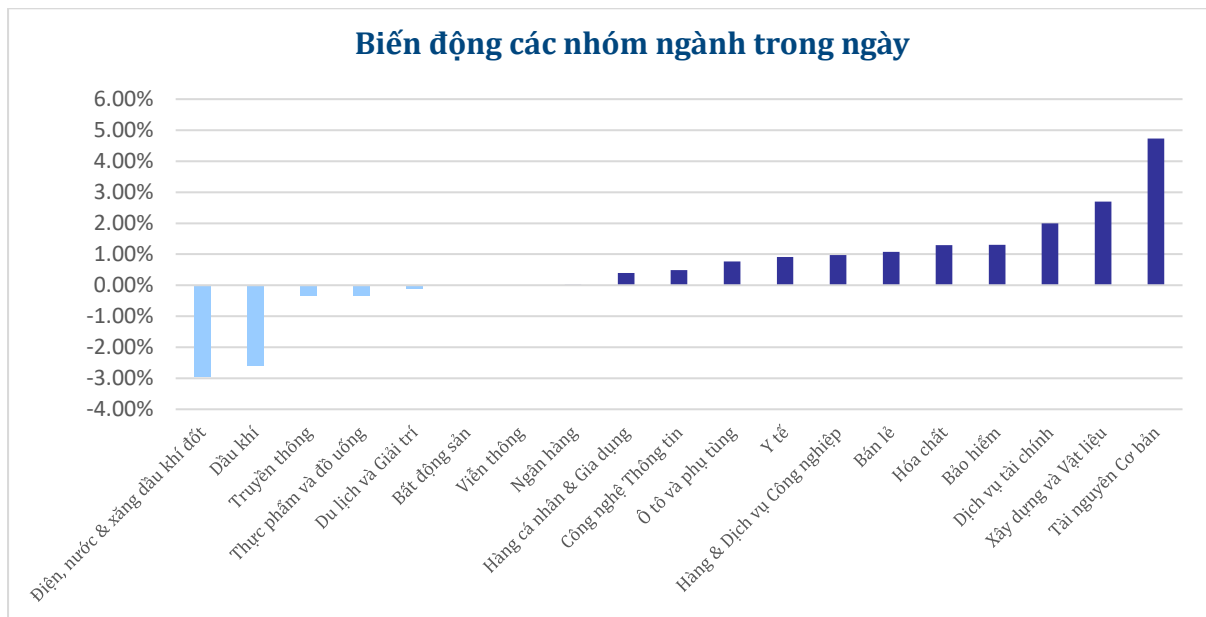


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

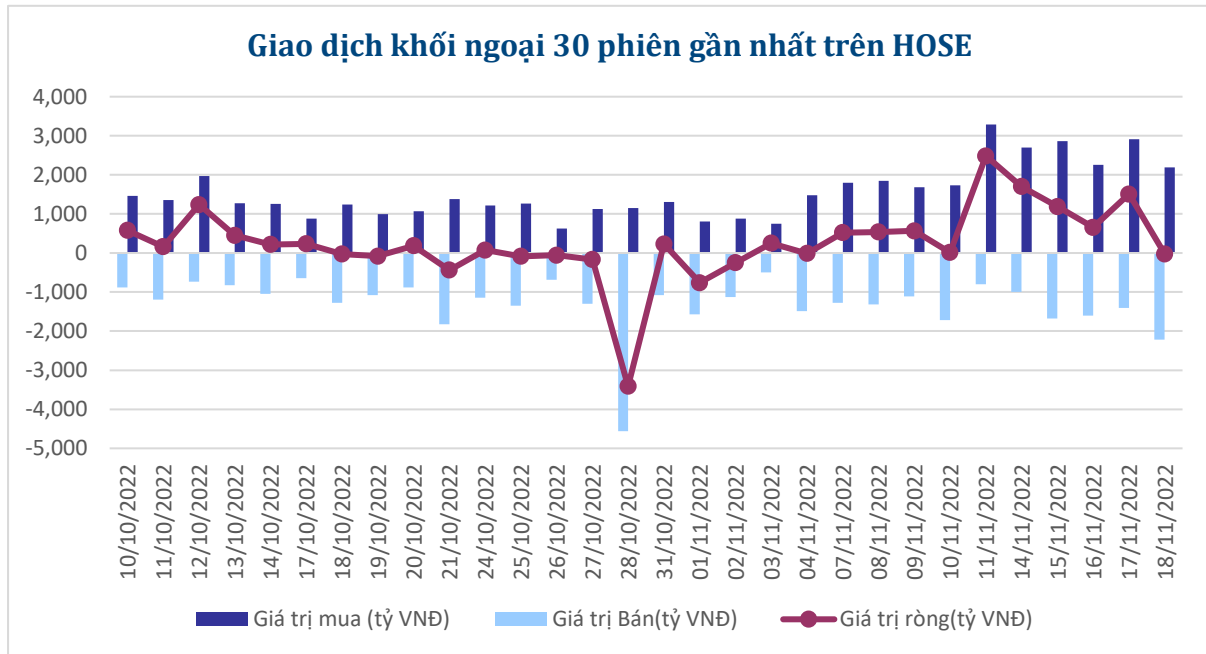




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 25.09 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 35.90 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HPG	206.41	DGC	124.67
KDH	79.55	VND	92.82
FUEVFVND	52.71	CTG	73.93
NLG	42.97	GEX	67.06
VHM	35.51	KBC	52.38

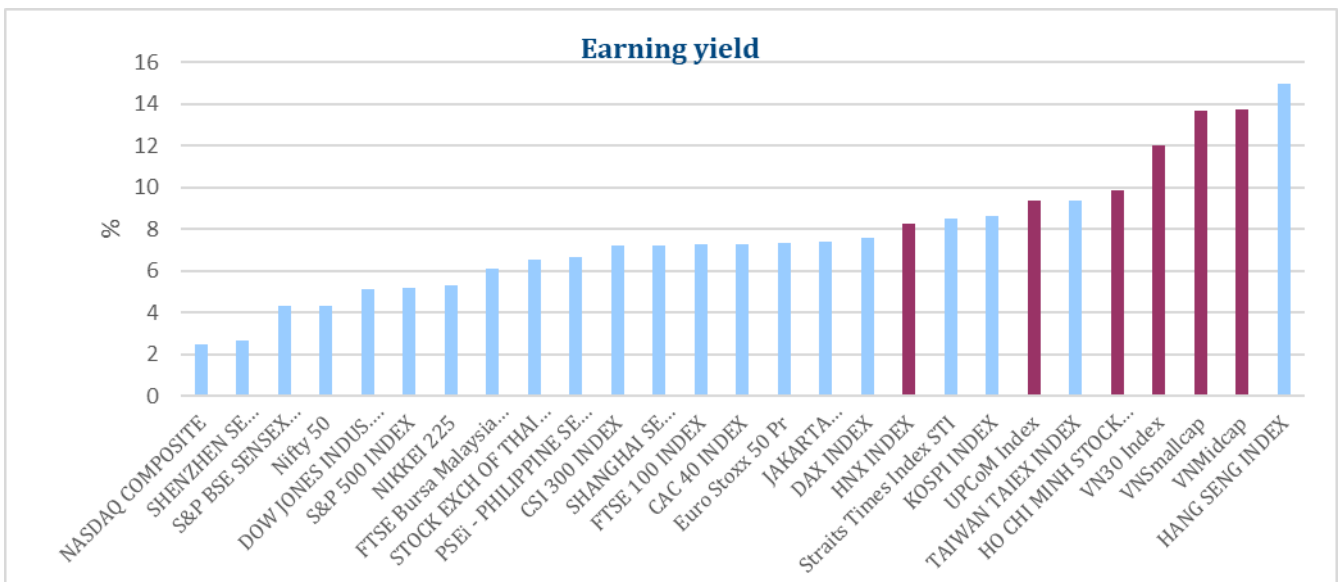
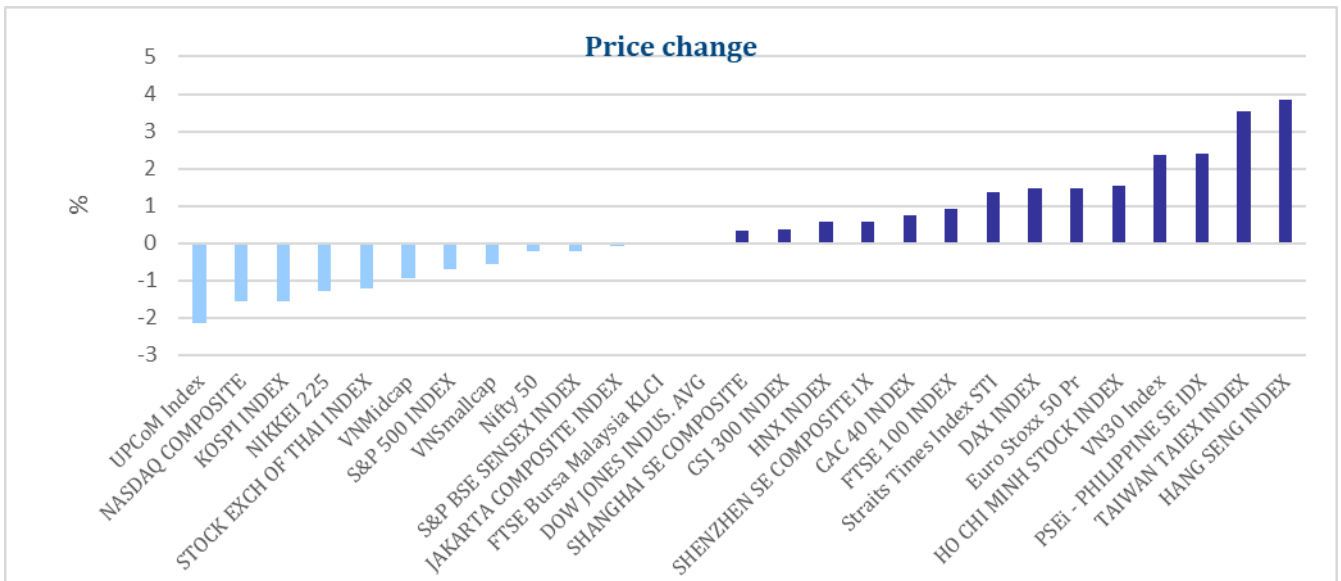


FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN TRƯỚC ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

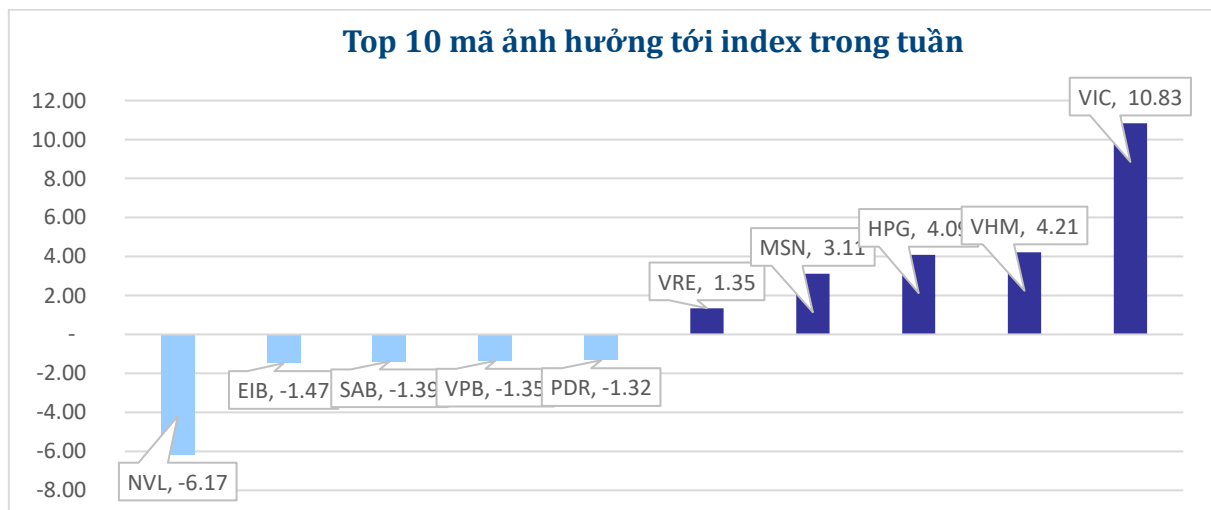




BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



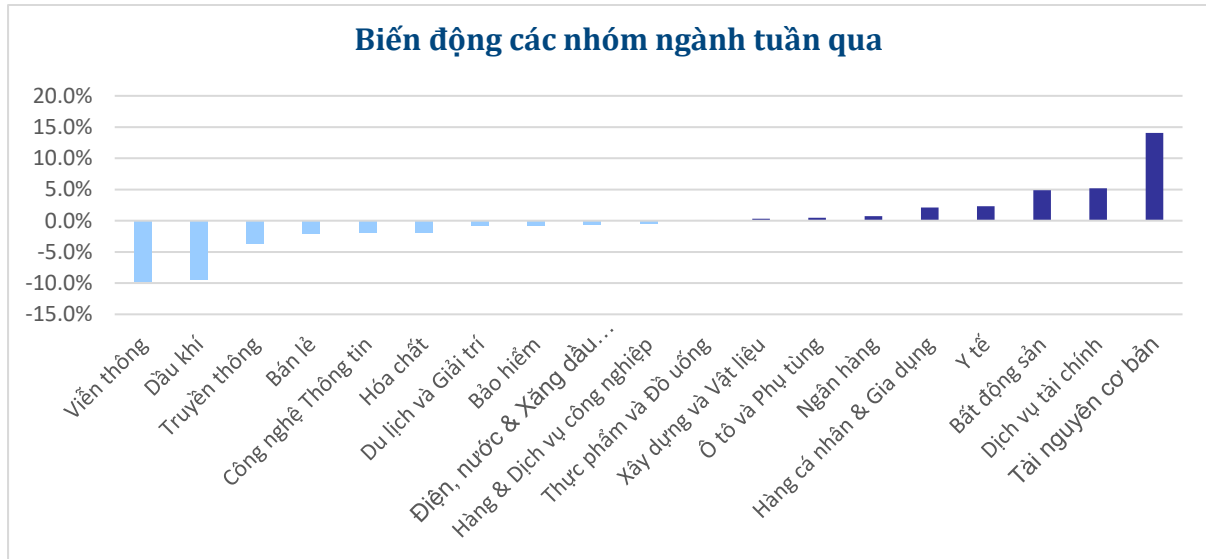
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



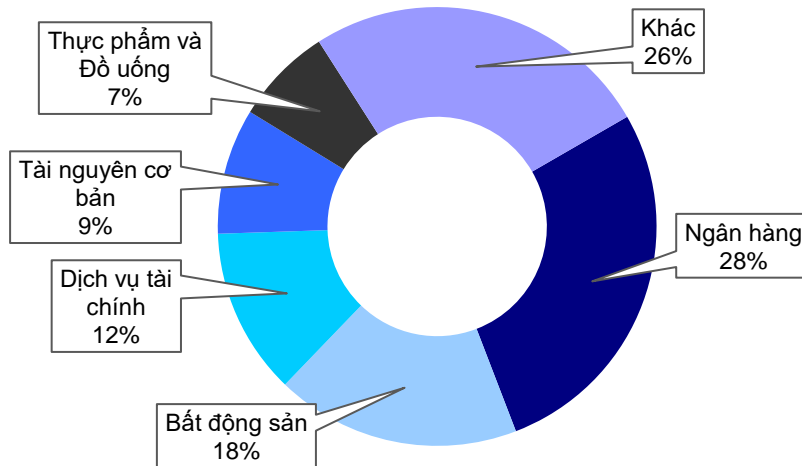


Top KLGĐ (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HPG	51.4	HPG	691.9	DHC	6.51x	HPG	22.8%	NVL	-30.1%
STB	32.3	STB	520.3	SJS	5.83x	VIC	20.8%	SJS	-25.0%
SSI	26.0	SSI	383.2	EIB	5.46x	GIL	19.0%	VGI	-21.0%
DIG	24.0	VPB	278.8	ABS	4.55x	SSI	15.2%	NBB	-19.7%
VND	23.4	DGC	271.9	VCS	2.47x	GEX	14.3%	EIB	-19.7%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN



Đóng góp thanh khoản trong tuần



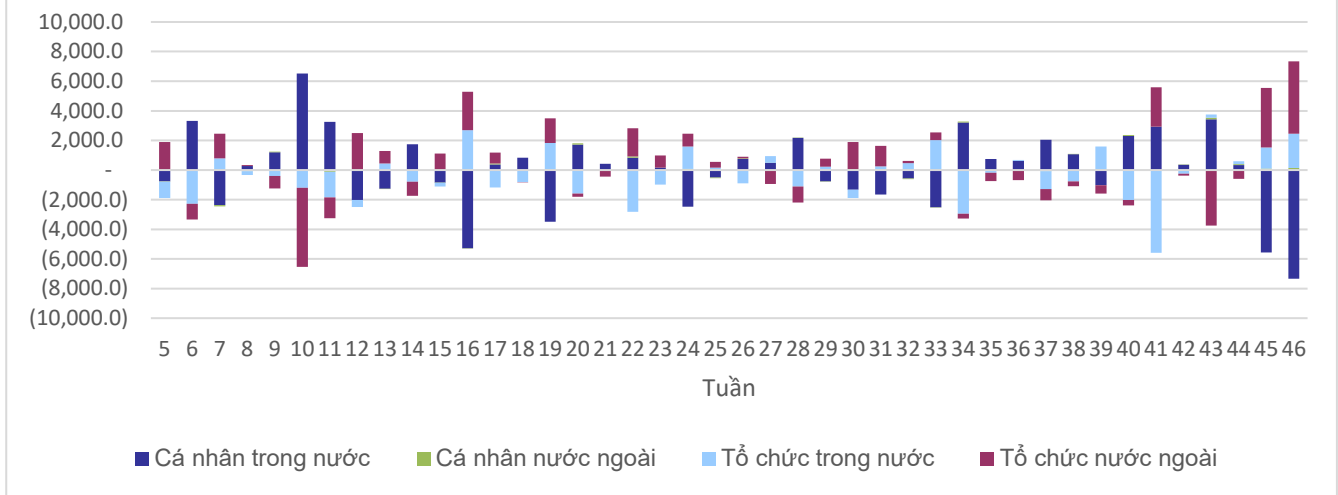


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

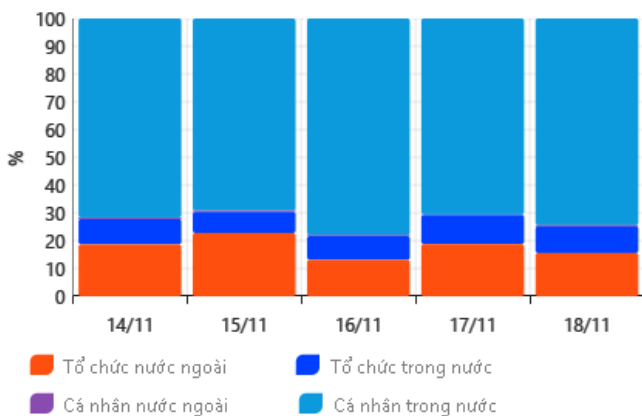
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	22.76%	5,039.7	HPG	22.76%	3,060.6
EIB	-19.67%	4,008.4	VNM	-1.79%	1,565.3
STB	9.62%	3,807.9	FPT	-1.79%	1,514.4
SSI	15.25%	3,003.7	STB	9.62%	1,362.3
VPB	-4.91%	2,566.3	VCB	1.32%	1,359.8

Giao dịch ròng của Nhà đầu tư theo tuần

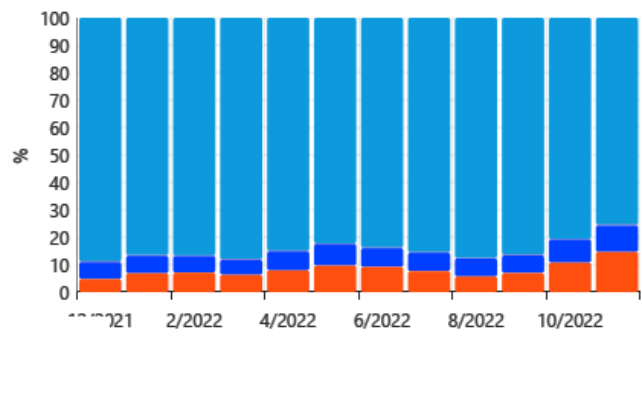


Tỷ trọng giao dịch

Giá Trị Giao Dịch Theo NĐT - Ngày



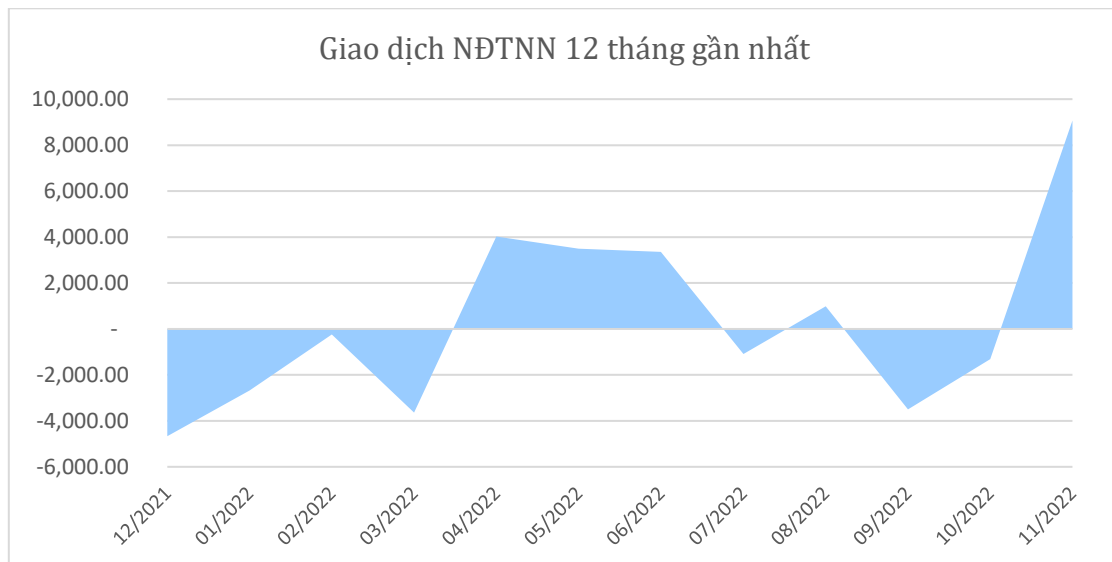
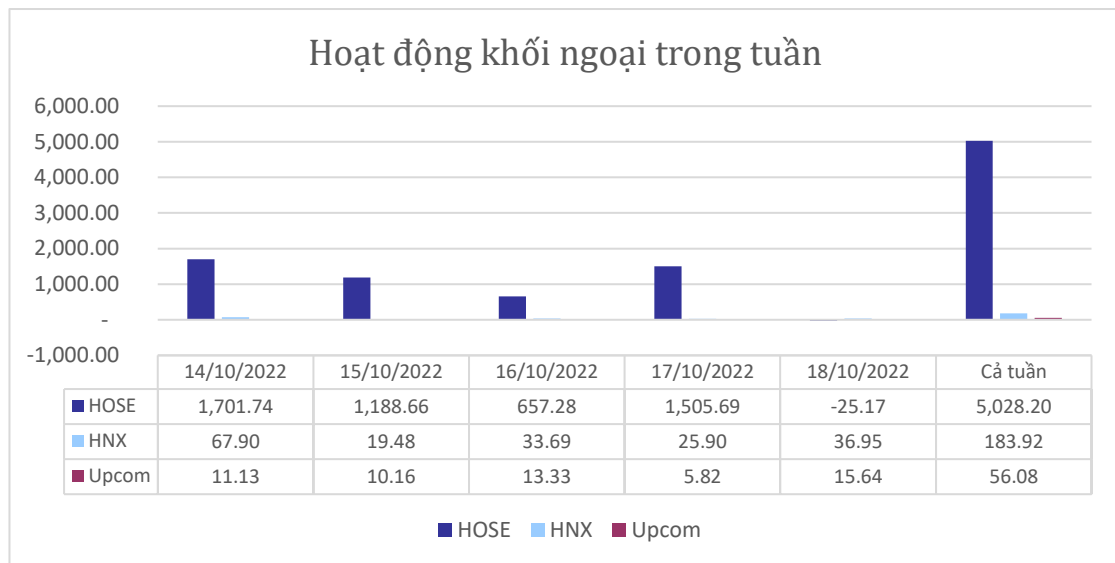
Giá Trị Giao Dịch Theo NĐT - Tháng





KHỐI NGOẠI

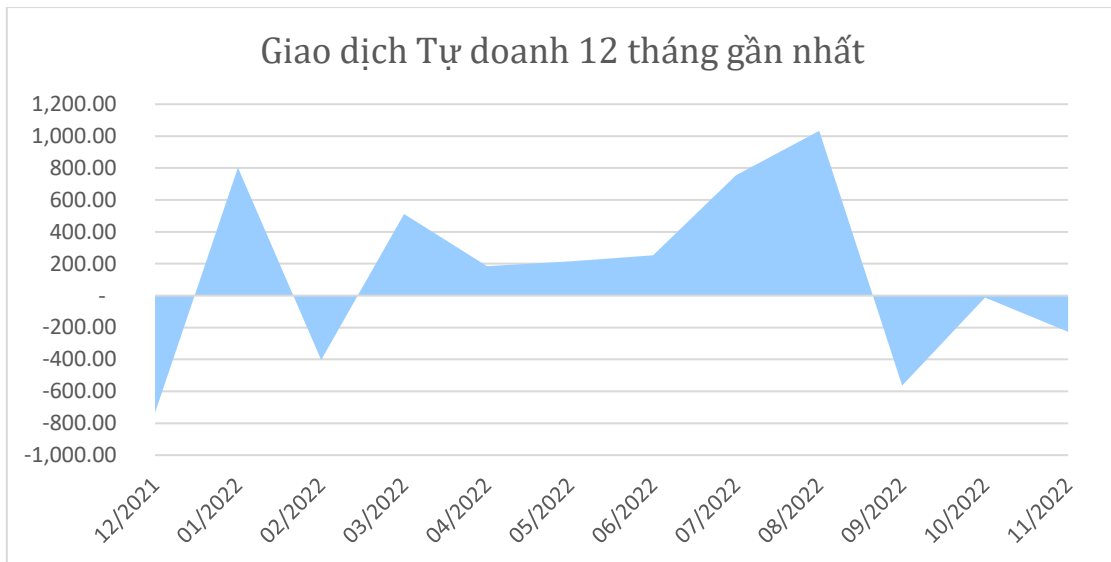
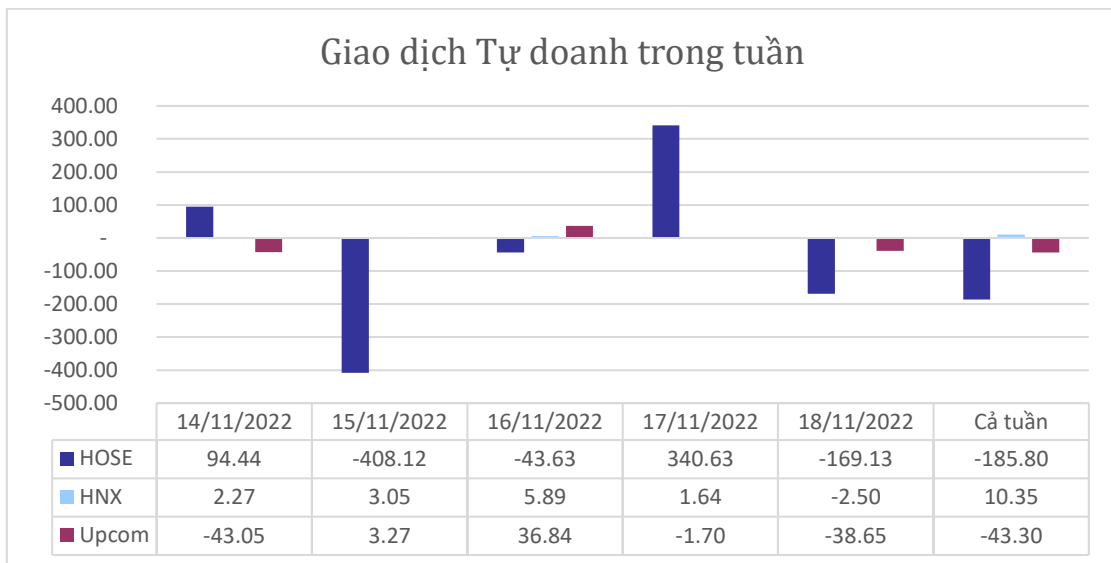
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
STB	9.62%	805.54	DGC	-10.59%	93.18
HPG	22.76%	619.23	MBB	-1.88%	86.36
SSI	15.25%	378.54	VCB	1.32%	62.05
KDH	9.41%	368.54	SAB	-4.58%	51.23
VIC	20.81%	344.94	KDC	-4.24%	50.91





KHỐI TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

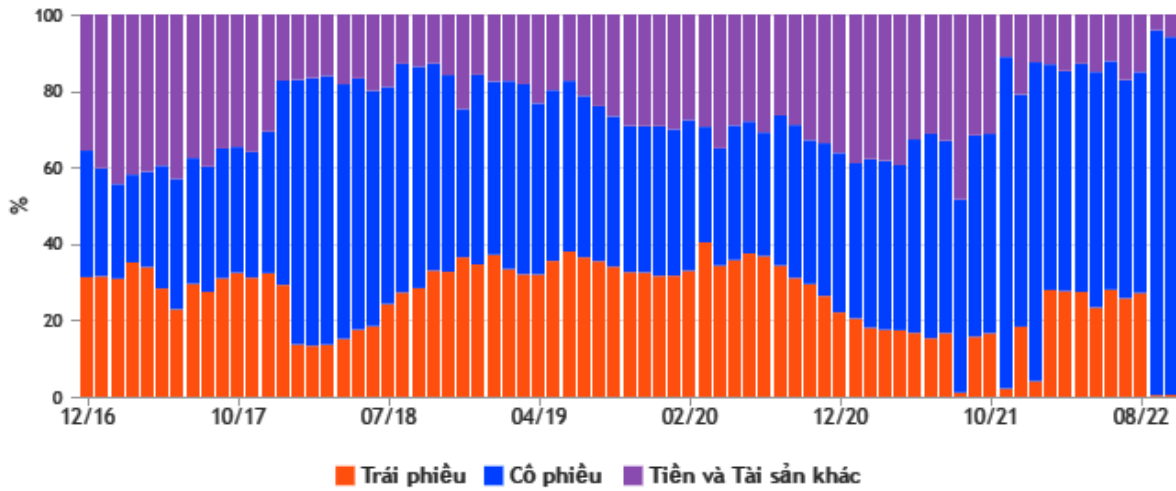
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
EIB	-19.67%	168.03	FUEVFNVD	2.18%	558.63
FUESSVFL	-1.45%	52.25	KBC	12.33%	151.81
DHC	-8.96%	43.80	E1VFN30	9.54%	110.39
MSN	10.06%	41.76	SSI	15.25%	47.67
VIC	20.81%	40.72	FUEKIVFS	-3.54%	42.14



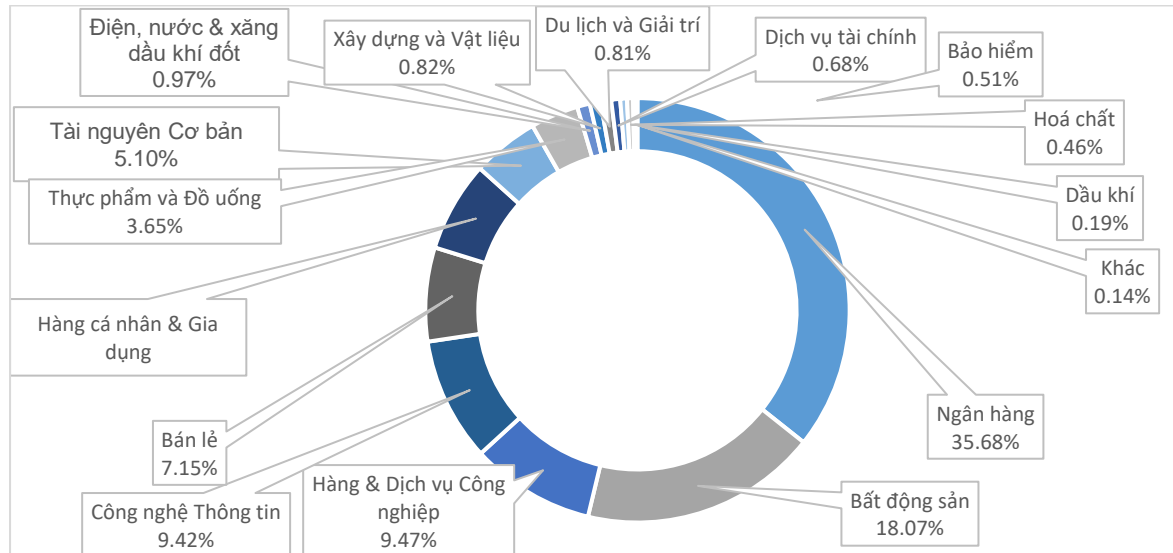


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

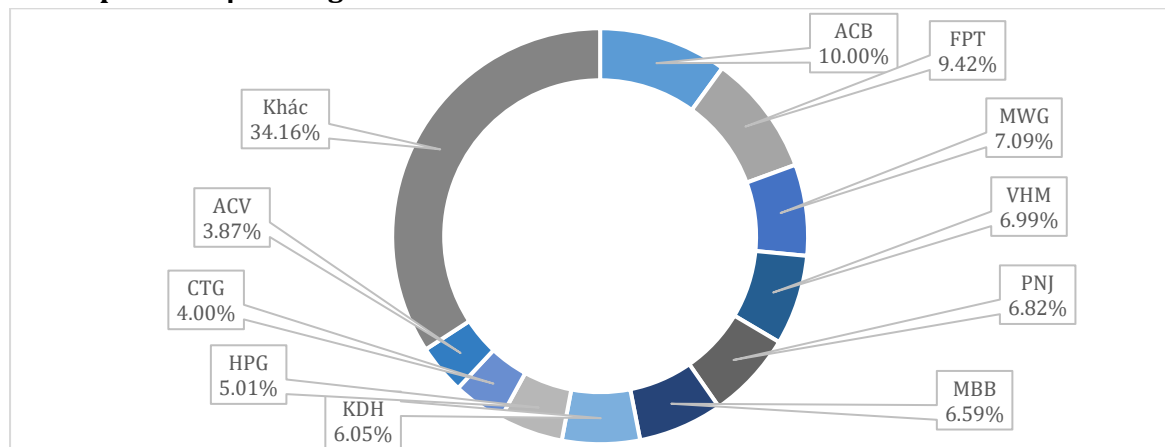
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
SBT	HSX	Trả cổ tức (tỷ lệ 100:7)	21/11/22	22/11/22	21/11/22
STK	HSX	Giao dịch 13.636.881 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			21/11/22
HNI	Upcom	Giao dịch 11.888.900 cổ phiếu ĐKGD bổ sung	21/11/22	21/11/22	21/11/22
TTT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	21/11/22	22/11/22	15/12/22
VLP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	21/11/22	22/11/22	21/11/22
DHT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	21/11/22	22/11/22	29/11/22
DC2	HNX	Giao dịch đầu tiên 2.500.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung			21/11/22
VTZ	HNX	Giao dịch đầu tiên 3.000.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung			21/11/22
TV3	HNX	Chấp thuận niêm yết bổ sung 1.241.223 cổ phiếu			21/11/22
PPH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	21/11/22	22/11/22	30/11/22
HDB	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22/11/22	23/11/22	22/11/22
VIB	HSX	Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền bầu cử	22/11/22	22/11/22	28/11/22
PMW	Upcom	Trả cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 40:3), bán ưu đãi (tỷ lệ 10:1)	22/11/22	23/11/22	22/11/22
VTB	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22/11/22	23/11/22	22/11/22
TIX	HSX	ĐHĐCĐ TN 2022, tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 (1.250 đ/cp)	22/11/22	23/11/22	26/12/22
KDC	HSX	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	22/11/22	23/11/22	20/12/22
CTF	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22/11/22	23/11/22	22/11/22
CBS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000đ/cp)	22/11/22	23/11/22	12/12/22
LBM	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	23/11/22	24/11/22	20/12/22
ITC	HSX	Giao dịch 8.720.982 cp niêm yết bổ sung			23/11/22
HHP	HSX	Giao dịch 10.000.000 cp niêm yết bổ sung			23/11/22
GAB	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022			23/11/22
DXS	HSX	Giao dịch 41.192.264 cp niêm yết bổ sung			23/11/22
SHB	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:15)	23/11/22	24/11/22	23/11/22
DPM	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	23/11/22	24/11/22	23/11/22
PGT	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	23/11/22	24/11/22	23/11/22
UCT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	23/11/22	24/11/22	23/11/22
SJG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (280đ/cp)	24/11/22	25/11/22	26/12/22
GMC	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022			24/11/22
HPT	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	24/11/22	25/11/22	24/11/22
HDB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	24/11/22	25/11/22	05/12/22
CMW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (440đ/cp)	24/11/22	25/11/22	19/12/22
PTB	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	24/11/22	25/11/22	24/11/22
TMP	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022			24/11/22
ASP	HSX	Thanh toán cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	24/11/22	25/11/22	23/12/22
SZB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200 đ/cp)	24/11/22	25/11/22	23/12/22
SBM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	25/11/22	28/11/22	20/12/22
KBC	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	25/11/22	28/11/22	25/11/22
CJC	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	25/11/22	28/11/22	25/11/22
EIB	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	25/11/22	28/11/22	25/11/22
BVH	HSX	Chi trả cổ tức bằng tiền (30.261%/mệnh giá)	25/11/22	28/11/22	25/11/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN - Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng \geq 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN - Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Đỗ Trung Nguyên

Chief Investment strategy

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:702

Võ Thế Vinh

Head of Research

vinhvt@gtjas.com.vn - ext:701



CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
GUOTAI JUNAN SECURITIES (VIETNAM)

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696